TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ – ST
Ngày 12 - 7 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Tiến.

Ông Nguyễn Quang Thái

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2018/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1982.

Cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt".

- *Bị đơn*: Anh Dương Văn X, sinh năm 1978.

Cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3 năm 2018 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Dương Văn X kết hôn ngày 10 tháng 12 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn chị và anh X được tự do tìm hiểu; sau khi kết hôn vợ chồng chị ở chung cùng mẹ anh X ở thôn T, xã B, huyện B; cuộc sống tình cảm vợ chồng, gia đình thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh X không chỉn chu trong việc làm ăn, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh X không thay đổi dẫn đến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Đầu năm 2016 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ cùng thôn để ở, vợ chồng chị đã ly

thân từ đó đến nay, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị tha thiết xin được ly hôn anh X.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Dương Đăng K, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2013. Hiện nay cháu K đang sống cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu K; chị không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn X: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu giấy tờ kèm theo đồng thời triệu tập anh X rất nhiều lần; thậm chí để vụ án được giải quyết một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan và đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án đã gửi công văn nêu rõ nội dung vụ án để anh X đến Tòa trực tiếp trình bày ý kiến của mình về từng vấn đề, nội dung cụ thể theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị V. Anh X biết việc chị V có đơn khởi kiện xin ly hôn anh và đề nghị giải quyết nuôi con chung là cháu Dương Đăng K nhưng anh X không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đến Tòa án.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B cho biết: Anh Dương Văn X và chị Nguyễn Thị V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 10 tháng 12 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng anh X chị V chung sống cùng mẹ anh X ở thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, thấy vợ chồng anh chị sống hòa thuận, khoảng năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi chửi nhau; đến khoảng đầu năm 2016 anh, chị không sống cùng nhau nữa, hiện tại chị V đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị cùng thôn để ở; kể từ đó không thấy chị V sống cùng anh X nữa. Còn nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn là do đâu thì địa phương cũng không nắm rõ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị V đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh X được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Dương Văn X; giao con chung là cháu cháu Dương Đăng K, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1013 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V vì chị V không yêu cầu; về chia tài sản các

đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị V khởi kiện xin ly hôn anh Dương Văn X và đề nghị được nuôi dưỡng con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh X hiện đang cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là anh Dương Văn X đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V khởi kiện nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn cũng như tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Việc anh X cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B và lời khai của chị V thể hiện chị Nguyễn Thị V và anh Dương Văn X có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B ngày 10 tháng 12 năm 2012, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh X là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, mặt khác do không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày nên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015. Trong những lần làm việc tại Toà án và tại phiên toà chị V đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh X không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị vẫn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X, nếu Toà án không cho chị ly hôn với anh X chị cũng không thể về đoàn tụ với anh X được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập, công văn của Tòa án, nội dung Công văn nêu rõ "Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, nếu anh X không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì thì coi như anh đã đồng ý toàn bộ nội dung mà nguyên đơn khởi kiện và Tòa án sẽ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn" nhưng anh X vẫn không đến Tòa án làm việc hay gửi văn bản nêu rõ ý kiến, quan điểm của mình, như vậy có thể hiểu rằng anh X đã đồng ý với toàn bộ nội dung mà nguyên đơn khởi kiện. Xét, cuộc sống chung giữa chị V và anh X không thể tiếp tục vì anh, chị không còn yêu

thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình theo qui định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh X là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

[3] Về nuôi con chung: Chị V và anh X có một con chung là cháu Dương Đăng K, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2013. Kể từ khi vợ chồng chị ly thân đến nay, cháu K vẫn sống cùng chị V. Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa chị V tha thiết xin được nuôi cháu và chứng minh nuôi con tốt về mọi mặt, do vậy cần giao cháu K cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn; anh X không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị V vì chị V không yêu cầu nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong thời gian chị V chăm sóc nuôi dưỡng cháu K mà không đảm bảo được cuộc sống cho cháu thì anh X có quyền làm đơn đề nghị thay đổi về người trực tiếp nuôi con.

[4]Về tài sản: Chị V không đề nghị Tòa án giải quyết, anh X vắng mặt và cũng không đề nghị do đó Tòa án không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5]Về án phí sơ thẩm: Chị V phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Dương Văn X.

Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Đăng K, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2013 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002579 ngày 22 tháng 3 năm

2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên; chị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Lan